

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2024/HC-PT

Ngày: 18/6/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các thẩm phán: Ông Phạm Tồn

Ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1157/2024/QĐPT-HC ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1959;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: tổ A, khối phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Đào Duy K – Văn phòng luật sư Đào Duy K. Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Lê Văn T1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Ông Trần T2 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Ông Bùi Thế K1 - Phó Giám đốc Trung tâm bồi thường và giải phóng mặt bằng thuộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỳ H1 – Chu Lai Q, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lương Thị Thanh V, sinh năm 1981; Địa chỉ: số B N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lương Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: tổ A, khối phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Lương Thị Thanh T3, sinh năm 1983

4. Bà Lương Thị Thanh L, sinh năm 1991

5. Bà Lương Thị Thanh T4, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Khối phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

6. Công ty Cổ phần Đ và át"Phát Kỳ Hà Chu Lai Quảng N (Trung tâm bồi thường và giải phóng mặt bằng); Địa chỉ: phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thế K1 - chức vụ: Phó giám đốc .

7. Trung tâm át"Phát triển quỹ đất huyện N; Địa chỉ: khối C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần T2 – Phó Giám đốc.

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Đặng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự:

Nguyên từ trước đến nay, gia đình bà H đang là người có quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở và các tài sản khác tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5c, diện tích 1020,3m², mục đích sử dụng là đất ở + đất vườn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 325188, do UBND huyện N cấp cho hộ gia đình bà H vào ngày 15/01/2004 tại khối phố A (nay là khối phố B), thị trấn N, huyện N. Toàn bộ diện tích đất nói trên đã được gia đình bà sử dụng ổn định, liên tục và không có khiếu nại tranh chấp.

Trước đây vào năm 2005, toàn bộ đất đai, tài sản nói trên của gia đình bà nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Khu tái định cư T tại khối A, thị trấn N. Tuy nhiên, sau đó công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình bà H tại ự" dự án này lại không được triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Năm 2017 đến nay, toàn bộ đất đai, tài sản nói trên của gia đình bà ại" lại nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng của 03 dự án gồm: dự án Đường Đ; dự án Khu dân cư K và dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T - Giai đoạn 4 tại thị trấn N, huyện N.

Về dự án Đường Đ: Năm 2017, UBND huyện N xây dựng giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Đ tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (trong đó có vị trí đất của gia đình bà H) là 3.230.000 đồng/m² đối với loại đất ở đô thị - ể" Thể hiện tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện N. Tuy nhiên, ngày 02/6/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2892/QĐ- UBND phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi à" nhà nước thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Đường Đ tại thị trấn N, huyện N và ngày 27/12/2021, gia đình bà H nhận được Thông báo số 28/TB-PT của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N công khai số liệu, giá trị bồi thường, hỗ trợ ự" Dự án: Đường Đ, theo đó Trung tâm át" Phátttriển quỹ đất huyện N áp dụng tính giá đất bồi thường, hỗ trợ là 1.300.000 đồng/ m² (đối với loại đất ở đô thị) và 673.000 đồng/ m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn).

Không đồng ý với ông" thông này, ngày 30/12/2021 gia đình bà H đã có kiến nghị UBND huyện N thực hiện bồi thường hỗ trợ theo giá đất là 3.230.000 đồng/m² đối với loại đất ở đô thị tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện N nhưng không được UBND huyện N xem xét.

Về dự án: Khu dân cư T - Giai đoạn 4 tại thị trấn N.

Ngày 28/5/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2742/QĐ-UBND phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi à" nhà thu hồi đất thực dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T - Giai đoạn 4 tại thị trấn N, huyện N và gia đình bà có nhận được ên" Biên bản tính dự kiến giá trị bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm ời" Bồi thường và GPMB đơn giá áp dụng là 3.580.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị) và 1.813.000 đồng/m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn). Tuy nhiên, đến ngày 14/12/2021, gia đình bà H lại nhận được ông" Thông công khai số liệu, giá trị bồi thường, hỗ trợ trước khi trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC ông" Công Khu dân cư Tam Q (giai đoạn 4) đợt 3 và ên" Biêntính dự kiến giá trị bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm ời" Bồi thường và GPMB đơn giá áp dụng là 1.300.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị) và 673.000 đồng/m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn).

Không đồng ý với ông"thông này, gia đình bà H đã có kiến nghị UBND huyện N thực hiện bồi thường hỗ trợ theo giá đất là 3.580.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị) và 1.813.000 đồng/m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn) theo Quyết định số 2742/QĐ-UBND của UBND huyện N và đề nghị Nhà nước bố trí cho gia đình bà 04 lô đất tái định cư trong đó có 01 lô tái định cư tại chỗ nhưng không được UBND huyện N xem xét.

-Về dự án: Khu dân cư K, thị trấn N:

Năm 2019, UBND huyện N xây dựng giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (trong đó có vị trí đất của gia đình bà H) là 3.580.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị) - ể"Thể hiện tại Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND huyện N. Tuy nhiên hiện nay gia đình bà không nhận được ông"Thông công khai số liệu, giá trị bồi thường, hỗ trợ trước khi trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm ời"Bồi thường và ải"Giải phóng mặt bằng thuộc Công ty ỏ"Cổ phần Đầu tư và át"P theo đúng quy định Nhà nước.

Đến ngày 31/12/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 22107/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Tại ết"quyết định này, UBND huyện N đã thu hồi của gia đình bà 1020,3m², trong đó: 350m², loại đất ở đô thị (ODT); 670,3m² ; loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn, ao tại thửa đất số 19 (toàn bộ thửa đất), thuộc ờ"tờ bản đồ số 5c (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U325188, được UBND huyện N cấp ngày 15/01/2004) để thực hiện các dự án, cụ thể:

- Tại ự"Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T (giai đoạn 4), gia đình bà H bị thu hồi diện tích đất 474,1m², trong đó: 284,5m² đất ở đô thị (ODT), 189,6m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn;

- Tại ự"Dự án đường Đ, gia đình bà H bị thu hồi 432,9m² trong đó: 65,5m² đất ở đô thị (ODT), 367,4m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn:

- Tại ự"Dự án Khu dân cư K, gia đình bà H bị thu hồi diện tích đất 113,3m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn.

Ngày 11/01/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường Đ (đợt 5) tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ngày 14/01/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 363/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư T (giai đoạn 4) - đợt 4 tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 364/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và GPMB cho bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Khu dân cư K, thị trấn N, huyện

N, tỉnh Quảng Nam. Ngày 14/01/2022, gia đình bà mới nhận được các ết"quyết định ày."này.

Về tái định cư: Trên thực tế hiện nay, gia đình bà có tổng số 09 nhân khẩu, trong đó 04 cặp vợ chồng (gồm: Đặng Thị H, Lương Thị Thanh T3, Lương Thị Thanh L, Lương Thị Thanh T4) đều chung sống trong cùng một ngôi nhà chật hẹp trên cùng một thửa đất số 19, thuộc tờ bản đồ số 5C, với điều kiện sinh hoạt vô cùng khó khăn, thiếu thốn về nhiều mặt, ngoài ra gia đình bà không còn chỗ ở nào khác. Gia đình bà đã nhiều lần đề nghị Nhà nước bố trí cho gia đình bà 04 lô đất tái định cư (01 lô cho bà H, 01 lô cho bà Lương Thị Thanh T3, 01 lô cho bà Lương Thị Thanh L, 01 lô cho bà Lương Thị Thanh T4). Tuy nhiên, cho đến nay UBND huyện N không chấp nhận.

Về đơn giá đất áp dụng để tính tiền bồi thường khi à"Nhà nước thu hồi đất.

Trước đây, theo hồ sơ quy hoạch, cũng như thực tế thì tuyến đường Đỗ Đăng T5 có chiều dài bắt đầu từ giáp đường N đi qua diện tích đất của gia đình bà đến giáp với Khu tái định cư Tam Q (vì năm 2004 là con đường đất đỏ, đến năm 2005 là làm thành con đường cấp phối đá dăm để phục vụ cho việc đi lại thi công san lấp mặt bằng xây dựng Khu dân cư T tại thị trấn N). Năm 2017, UBND huyện N xây dựng giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Đ tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (trong đó có vị trí đất của gia đình bà H) là 3.230.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị) - ể"Thể hiện tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện N. Tuy nhiên, do công tác thu hồi đất và bồi thường GPMB tại phạm vi diện tích đất nói trên của gia đình bà thực hiện chậm trễ, nên dẫn đến việc tuyến đường Đ đoạn qua diện tích đất của gia đình bà vẫn thi công chưa xong.

Năm 2020, gia đình bà có nhận được ề"Biêntính dự kiến giá trị bồi thường, hỗ trợ ồng"CôngĐầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư T (giai đoạn 4) của Trung tâm ời"Bồi thường & GPMB thuộc Công ty ỏ"Cổ phần Đầu tư và át"PhátKỳ Hà Chu Lai Quảng N đơn giá áp dụng là 3.580.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị) và 1.813.000 đồng/m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn). Trong tháng 12/2021, gia đình bà nhận được ề"Biêntính dự kiến giá trị bồi thường, hỗ trợ ự"Dự án: Đường Đ (đợt 5) thì đơn giá đất áp dụng tính bồi thường, hỗ trợ là 1.300.000 đồng/ m² (đối với loại đất ở đô thị), 673.000 đồng/ m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn) và ề"Biêntính dự kiến giá trị bồi thường, hỗ trợ ồng"CôngĐầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư T (giai đoạn 4) của Trung tâm ời"Bồi thường & GPMB thuộc Công ty ỏ"Cổ phần Đầu tư và át"PhátKỳ Hà Chu Lai Quảng N thì đơn giá áp dụng cũng là 1.300.000 đồng/m² (đối với loại đất ở đô thị), 673.000 đồng/m² (đối với loại đất trồng cây lâu năm khác có nguồn gốc từ đất vườn). Giá đất trên được thể hiện tại các Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày

02/6/2020 và Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND huyện N.

Bà H cho rằng các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022; Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N là không đúng pháp luật và không phù hợp với thực tế khách quan, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với người bị kiện:

- Hủy Quyết định số 22107/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường Đ (đợt 5) tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đặng Thị H - Con đại diện: Lương Văn T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu "Đầu tư xây dựng công trình đầu "Đầu xây dựng nhà ở khu dân cư T (giai đoạn 4) - đợt 4 tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và GPMB cho bà Đặng Thị H - Con đại diện: Lương Văn T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Khu dân cư K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành lại quyết định thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Đặng Thị H theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H là ông Lương Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 22107/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án tại thị trấn N.

Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa:

Quá trình kê khai đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ: Theo hồ sơ 299/TTg là thửa đất số 271, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.231m², loại đất màu, do Hợp tác xã ông "nông nghiệp kê khai đăng ký. Theo hồ sơ 60/CP là thửa đất số 19, tờ bản đồ - số 5C, diện tích 1.020,3m², loại đất ở + vườn, do hộ ông Lương Văn M và bà Đặng Thị H đứng tên đăng ký kê khai và được UBND huyện N cấp "giấy CNQSD đất vào sổ số 420 QSDĐ ngày 15/01/2004.

- Về quá trình thu hồi đất thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng:

Ngày 31/12/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 22107/QĐ-UBND với nội dung thu hồi 1.020,3m², trong đó: 350m² loại đất ở đô thị (ODT), 670,3m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn, ao của hộ bà Đặng Thị H, tại thửa đất số 19 (toàn bộ thửa đất), thuộc tờ bản đồ số 5C (theo giấy CNQSD đất số U325188 tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5C được UBND huyện N ký ngày 15/01/2004), để thực hiện các dự án sau:

+ ự "Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T (giai đoạn 4) diện tích 474,1m², trong đó: 284,5m² đất ở đô thị (ODT), 189,6m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn.

+ ự "Dự án đường Đ diện tích 432,9m², trong đó: 65,5m² đất ở đô thị (ODT) và 367,4m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn.

+ ự "Dự án Khu dân cư khối 2 diện tích 113,3m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN) có nguồn gốc từ đất vườn.

- Về diện tích đất ở thu hồi: Giấy CNQSD đất vào sổ số 420 QSDĐ ngày 15/01/2004 do UBND huyện N cấp cho hộ ông Lương Văn M và bà Đặng Thị H đã xác định trong tổng số 1.020,3m² đất ở + đất vườn, trong đó 2 có 200m² đất ở. Tại thời điểm thu hồi đất hộ bà H không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đồng thời hộ bà H gồm 07 nhân khẩu. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 103 Luật Đất đai 2013, khoản 2 và khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Q Quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Q thì diện tích đất ở tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5C được xác định 350m² là đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc bà Đặng Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 22107/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện N là không có căn cứ pháp luật.

- Đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022, Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 và Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Đặng Thị H:

Hộ bà Đặng Thị H thuộc diện bị thu hồi hết đất ở, nhà ở và phải di chuyển chỗ ở, có hộ khẩu tại địa phương (không có đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương), đồng thời diện tích đất vườn bị thu hồi trên 02 lần hạn mức đất ở. Do đó, Hội đồng họp xét bố trí tái định cư huyện N thống nhất bố trí cho hộ bà H 02 lô tái định cư (thể hiện tại biên họp xét tính định cư ngày 26/11/2021). Đồng thời, trên cơ sở ết "Quyết định thu hồi đất đã nêu trên, UBND huyện N thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Đặng Thị H đảm bảo đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục và đúng theo quy định của pháp luật, do đó việc bà Đặng

Thị H yêu cầu hủy các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022, Quyết định số 363/QĐ- UBND ngày 14/01/2022 và Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N là không có căn cứ.

- Về việc đơn giá đất bồi thường cho hộ bà H khi bị thu hồi đất có sự chênh lệch lớn theo thời điểm 2017; 2019 và 2020 bởi các lý do sau:

Thực hiện Quyết định số 7932/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND huyện N về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường Đ, UBND huyện N tiến hành các bước lập thủ tục thu hồi đất, xây dựng giá đất cụ thể để bồi thường theo quy định hiện hành.

Theo đó, ngày 12/01/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định số 299/QĐ-UBND về "Phê giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Đ, thị trấn N, huyện N, theo đó giá đất đường "Đường Đỗ Đăng T6 có giá 3.230.000 đồng/m². Giá đất nêu trên áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp tuyến đường Đỗ Đăng T5 (từ nhà ông H2 đến nhà ông V1) (thứ tự 22, ục "mục III - đất ở đô thị thuộc ụ "phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 48/2014/QĐ- UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Q), còn đối với thửa đất của hộ bà Đặng Thị H không tiếp giáp với tuyến đường trên.

Năm 2005, thực hiện ự "Dự án Khu tái định cư T tại thị trấn N giai đoạn 2 (Gói thầu số 1, đợt 1) đã được Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 405/QĐ-KTM ngày 07/11/2005 gồm nhiều hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng, trong đó có hộ bà Đặng Thị H bị giải tỏa nhà và đất ở tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5C thuộc công trình trên, theo phương án được duyệt tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đặng Thị H là 184.573.677 đồng, bà H đã nhận tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 179.573.677 đồng (chưa nhận tiền thưởng) tại ếu "phiếu chi số 365/BT ngày 25/11/2005.

- Về bố trí tái định cư: Theo phương án được duyệt thì hộ bà Đặng Thị H được bố trí 02 lô đất tái định cư, gồm 01 lô cho hộ bà Đặng Thị H và 01 lô cho con gái là bà Lương Thị Thanh V, riêng bà Lương Thị Thanh V đã nhận đất tái định cư tại lô A3-13 thuộc Khu tái định cư T II – giai đoạn I tại thị trấn N.

Đối với hộ bà Đặng Thị H tại thời điểm năm 2005, đề nghị được bố trí tái định cư tại vị trí đất của bà bị giải tỏa sau khi đã được đầu tư hoàn thiện hạ tầng, nhưng từ đó đến nay ự "dự án này không tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện về hạ tầng nên chưa có quỹ đất để bố trí tái định cư cho hộ bà H nên bà tiếp tục sử dụng nhà và đất đã giải tỏa để ở cho đến nay.

Do đó, đến ngày 19/8/2019, UBND tỉnh Q ban hành Công văn số 4890/UBND-KTTH về việc giải quyết tồn tại liên quan đến giải phóng mặt bằng dự án đường Đ và dự án Khu dân cư T (giai đoạn 4) tại thị trấn N, huyện N, trong đó có nội dung: “thông” “Thông nhất cho UBND huyện N lại các thủ tục

để thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị H thực hiện dự án đường Đ và dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T (giai đoạn 4) tại thị trấn N, huyện N và áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành để lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trong đó khấu trừ lại toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất mà hộ bà Đặng Thị H đã nhận trước đây cộng với lãi suất tiền gửi theo lãi suất thời hạn 12 tháng do Ngân hàng à"nhànước công bố kể từ thời điểm nhận tiền (cộng tiếp 12 tháng đối với các chu kỳ sau)". Trên cơ sở đó, UBND huyện N tiến hành các thủ tục thu hồi đất, xây dựng giá đất cụ thể để bồi thường theo quy định hiện hành.

Do thửa đất của hộ bà Đặng Thị H thuộc tuyến đường đất có bề rộng mặt đường trên 3m, ngày 02/6/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2892/QĐ-UBND ê"Phêgiá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đường Đ tại thị trấn N, huyện N, trong đó: Đường đất – đường"Đườngbề rộng từ 3m trở lên có giá là 1.300.000 đồng/m², để tính tiền bồi thường cho hộ bà Đặng Thị H.

Việc UBND huyện N ban hành các Quyết định phê duyệt giá đất ở các thời điểm khác phụ thuộc vào tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng của dự án nhưng vẫn đảm bảo điều kiện là các thửa đất thuộc tuyến đường nào thì áp dụng giá đất của tuyến đường đó để tính tiền bồi thường chứ không phải là xây dựng lại giá đất. Do đó, giá đất áp dụng cho thửa đất của hộ bà Đặng Thị H là phù hợp với thực tế sử dụng đất và đúng qui định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100, Điều 103 của Luật Đất đai 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 6, Điều 4 Quyết định 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q; Điều 6 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban ường"thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc:

Yêu cầu huỷ các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường Đ (đợt 5) tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đặng Thị H - Con đại diện: Lương Văn T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu"Đầuxây dựng công trình đầu"Đầuxây dựng nhà ở khu dân

cư T (giai đoạn 4) - đợt 4 tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và GPMB cho bà Đặng Thị H - Con đại diện: Lương Văn T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Khu dân cư K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam và buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ cho bà H theo đúng quy định pháp luật.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Đặng Thị H về việc hủy Quyết định số 22107/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, án "Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2023 bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bà H cho rằng: Bản án sơ thẩm đã xét xử áp dụng không đúng pháp luật, xem xét đánh giá chứng cứ trong vụ án không khách quan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà H, cụ thể về giá bồi thường, bố trí tái định cư và tính lãi đối với số tiền do Nhà nước chi trả bồi thường, nhưng sau đó không thực hiện dự án là không đúng, nay bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông Lương Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Đặng Thị H, giữ nguyên án "Quyết định của án "Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

Xem xét kháng cáo của bà Đặng Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H, ông Lương Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định số 22107/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án tại thị trấn N, Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên, tại giai đoạn phúc thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Kháng cáo của bà Đặng Thị H là hợp lệ, trong thời hạn luật định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ gia đình bà Đặng Thị H: Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.231m², loại đất màu, có nguồn gốc do Hợp tác xã ông "nông" khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, Theo hồ sơ 60/CP thị trấn N thể hiện, thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5C, diện tích 1.020,3m², loại đất ở + vườn, do hộ ông Lương Văn M và bà Đặng Thị H đứng tên đăng ký, kê khai theo Luật Đất "đất đai năm 1993 và đã được UBND huyện N cấp GCNQSD đất vào sổ số 420 QSDĐ ngày 15/01/2004. Như vậy, quyền sử dụng thửa đất của hộ bà H là hợp pháp.

[2.2]. Quá trình thực hiện dự án Khu tái định cư T: Năm 2005, thực hiện dự án Khu tái định cư T tại thị trấn N, đã chi tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà H, bà H có nhận số tiền 179.573.677 đồng tại ếu "phiếu chi số 365/BT ngày 25/11/2005, còn đối với bà Lương Thị Thanh V, là con gái bà H, có một ngôi nhà riêng trên cùng thửa đất, bị giải toả, nên đã nhận một lô đất tái định cư tại lô A3-13 thuộc Khu tái định cư T II – giai đoạn I tại thị trấn N (*lô đất hiện nay bà V chuyển nhượng lại cho ông Lương Thanh T7 làm nhà*). Nhưng sau khi thực hiện phương án bồi thường thì ự "Dự án Khu tái định cư T bị hủy bỏ, nguyên nhân do không có nguồn vốn, UBND huyện N cũng không ra quyết định thu hồi đất và cũng chưa bố trí đất tái định cư cho hộ gia đình bà H, đối với số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho bà H, Nhà nước vẫn chưa thu hồi lại.

Theo Công văn số 4890/UBND-KTTH ngày 19/8/2019 UBND của tỉnh Quảng Nam ban hành về việc giải quyết tồn tại liên quan đến giải phóng mặt bằng dự án đường Đ và dự án Khu dân cư T (giai đoạn 4), tại thị trấn N, trong đó có nội dung: *"Thống nhất cho UBND huyện N lại các thủ tục để thu hồi đất của hộ bà Đặng Thị H thực hiện dự án đường Đ và dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T (giai đoạn 4) tại thị trấn N, huyện N và áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành để lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trong đó khấu trừ lại toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất mà hộ bà Đặng Thị H"*

[2.3]. Về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 31/12/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 22107/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất có diện tích 1.020,3m² đất của bà H, trong đó:

350m² loại đất ở đô thị (ODT), 670,3m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tại thửa đất số 19, thuộc tờ bản đồ 5C, việc thu hồi đất để thực hiện 03 dự án sau: **(1)** Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư T (giai đoạn 4) diện tích 474,1m², trong đó: 284,5m² đất ở đô thị, 189,6m² loại đất trồng cây lâu năm; **(2)** Dự án đường Đ: diện tích 432,9m², trong đó: 65,5m² đất ở đô thị và 367,4m² loại đất trồng cây lâu năm; **(3)** Dự án Khu dân cư khối 2: diện tích 113,3m² loại đất trồng cây lâu năm.

[2.5] Xem xét nội dung các ết"Quyết định hành chính số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường Đ (đợt 5); Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đặng Thị H - để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu"Đầuxây dựng công trình đầu"Đầuxây dựng nhà ở khu dân cư T (giai đoạn 4) - đợt 4 tại khối 2 và Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và GPMB cho bà Đặng Thị H - để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Khu dân cư K, đều tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam, xét thấy:

[2.5.1] Xem xét kháng cáo liên quan đến việc áp giá đất để bồi thường, hỗ trợ: Dự án Khu tái định cư T triển khai vào năm 2005, tại thị trấn N, bị huỷ bỏ, không thực hiện, nên việc truy nguyên lại vị trí ban đầu của thửa đất để xác định, áp giá bồi thường theo các dự án mới là cần thiết, đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể, ngày 23/11/2021, UBND thị trấn N có ản"văn bản xác định vị trí thửa đất số 19, ờ"tờ bản đồ số 5C của hộ bà Đặng Thị H vị trí tiếp giáp đường đất, có bề rộng 3m trở lên, các tuyến đường không thuộc các tuyến trên nằm dưới đường sắt là phù hợp với ền"Biênxem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ngày 21/3/2022 xác định: Trên thửa đất số 19 (đất bà H) về hướng Tây giáp ông A đã giải tỏa có con đường đất rộng 4,1m nối từ đường Đ qua đường đất rộng 3,7 m đi qua thửa đất bà H đến ênh"kênh N54 nối vào đường K giai đoạn 4. Do vậy, tại thời điểm thực hiện các ự"Dự án, UBND huyện N đã áp giá bồi thường cho gia đình bà H theo Quyết định số 2742/UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Q về việc ê"Phêgiá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện các ự"Dự án nêu trên là đúng quy định hiện hành của Nhà nước, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, liên quan đến việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với cả 03 dự án nói trên.

[2.5.2] Xem xét kháng cáo về bố trí tái định cư: Như nhận định nêu trên, Dự án Khu tái định cư T năm 2005 không thực hiện, UBND huyện N chưa thu hồi đất của hộ bà H, đối với hộ bà Lương Thị Thanh V, là con gái bà H, do có nhà riêng trên thửa đất của bà H nhưng do bị giải tỏa nên Nhà nước đã bố trí một lô đất tái định cư cho bà V là theo quy định của pháp luật, dù tại thời điểm nào

quyền lợi về chỗ ở của bà V vẫn được đáp ứng, khi thực hiện các dự án mới thực tế hộ bà V không được bồi thường, hỗ trợ gì. Đối với hộ bà H cũng như những thành viên còn lại thì phải xem xét, giải quyết theo quy định hiện hành của pháp luật, như nội dung Công văn số 4890/UBND-KTTH ngày 19/8/2019 UBND của tỉnh Quảng Nam đã nêu.

- Theo Báo cáo kết quả kiểm tra nơi cư trú ngày 19/7/2021 của UBND thị trấn N" T8 (*Bút lục 210*), trong hộ gia đình bà H bao gồm các nhân khẩu: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1959 (chủ hộ); anh Lương Thanh L; anh Nguyễn Thành L1, cháu Nguyễn Thanh Trúc L2; chị Lương Thanh T4 và anh Nguyễn Vũ Đức H3; chị Lương Thị Thanh T3; cháu Huỳnh Nhất L3; và cháu Huỳnh Ngọc Gia H4, bao gồm 04 gia đình là con, cháu và rể cùng chung sống trên thửa đất, (*không có các gia đình anh Lương Thanh T7 và chị Lương Thị Thanh V*), đến nay, theo đương sự cung cấp là 10 thành viên, đang sống chung thửa đất bị thu hồi nói trên.

Về hộ khẩu, sau khi có ự"Dự án Khu tái định cư T bị đền bù, giải toả theo ự"Dự án Khu tái định cư T (giai đoạn 1), để thuận tiện cho việc sinh hoạt, học tập của con cháu trong gia đình, năm 2015, bà Đặng Thị H5 đã làm thủ tục chuyển cả hộ khẩu đến Tổ A, K, thị trấn N, là địa chỉ nhà của anh Lương Văn T (con trai bà H5), chỉ khác về Tổ dân phố, nhưng vẫn cùng thị trấn N, nhưng về thực tế, toàn bộ 04 gia đình trên vẫn đang sinh sống trong nhà của bà H5, ngay trên thửa đất bị thu hồi tại ới"Khối 1, thị trấn N (*nay là ới"Khối 2*). Tại thời điểm thu hồi đất, hộ gia đình bà H5 chỉ có 01 nhà ở duy nhất tại thửa đất số 19, ờ"tờ bản đồ 5C, thuộc ới"Khối 1, thị trấn N, huyện N, trước khi có ông"Thông thu hồi đất thì đã có 03 gia đình con, rể của bà H5 đang sinh sống trên nhà đất của bà H5 và đều không có chỗ ở nào khác tại thị trấn N. UBND huyện N lấy lý do cho rằng hộ gia đình bà H5 không có hộ khẩu thường trú ngay tại vị trí thửa đất bị thu hồi nên không bố trí tái định cư là không xác đáng.

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn cụ thể Điều 79 Luật Đất đai như sau:

“Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ

gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

....

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.”

Tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q sửa đổi bổ sung Quyết định 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 quy định như sau:

“Được giao 04 (bốn) lô đất tại khu tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình có từ 04 (bốn) cặp vợ chồng trở lên thực tế cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi và đủ điều kiện tách hộ theo quy định hoặc có từ 04 hộ gia đình trở lên có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi”.

Như vậy, hộ gia đình bà H5 là trường hợp đang sử dụng đất ở, có GCNQSD đất, Nhà nước đã thu hồi hết đất ở mà hộ bà H5 và các cặp vợ chồng con của bà H5 không có đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn thị trấn N, trước thời điểm có ông "Thông thu hồi đất, hộ bà H5 có 03 gia đình đủ điều kiện để bồi thường, hỗ trợ về tái định cư theo các quy định đã viện dẫn nêu trên, cụ thể gồm hộ gia đình bà Đặng Thị H; vợ chồng chị Lương Thị Thanh L, anh Nguyễn Thành L1 và vợ chồng chị Lương Thị Thanh T3, anh Huỳnh T9, nhưng tại Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N chỉ bố trí 02 lô đất tái định cư cho gia đình bà H (lô CL12-02 và ô"lô03) là chưa đảm bảo

quyền lợi cho hộ gia đình bà H và các cặp vợ chồng gồm các con của bà H đang cùng chung sống trên thửa đất bị thu hồi.

[2.5.3] - Đối với việc khấu trừ tiền lãi suất: Tại khoản 1, Điều 1 Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N, đã khấu trừ tiền lãi suất đối với số tiền 179.573.677 đồng bà H đã nhận tại ếu"phiếu chi số 365/BT ngày 25/11/2005, số tiền lãi bị khấu trừ là 238.114.696 đồng.

Xét thấy, nguyên nhân không thực hiện dự án không phải do lỗi của gia đình bà H, đây là khoản tiền Nhà nước tự chi trả bồi thường, hỗ trợ vào năm 2005 cho hộ bà H, sau khi chi trả tiền thì các cơ quan Nhà nước không lập các thủ tục thu hồi đất theo quy định, nguyên nhân từ phía Nhà nước, nay tiếp tục thu hồi đất theo quy định thì chỉ có thể trừ lại số tiền bà H đã nhận, nhưng tại Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N đã tính tiền lãi đối với số tiền mà bà H đã nhận trước đây như một khoản tiền vay là không đúng.

[3]. Đối với Quyết định số 185/0Đ-UBND ngày 11/01/2022 và Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đặng Thị H chỉ liên quan về áp giá đền bù, như đã nhận định nêu trên, ại"Tại Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H, hủy Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N, buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ về tái định cư cho hộ gia đình bà Đặng Thị H, bố trí giao thêm cho hộ gia đình bà H 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và không khấu trừ tiền lãi suất ân"ngân hàng số tiền là 238.114.696 đồng đối với bà H.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng: Do sửa ản"Bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử sửa lại án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng UBND huyện N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đặng Thị H, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2023/HC-ST ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 74; Điều 75 Điều 79, Điều 86 của Luật Đất đai 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điểm a khoản 4

Điều 2 Quyết định 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q sửa đổi bổ sung Quyết định 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014

Xử

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc:

- Huỷ toàn bộ Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Đặng Thị H - Con đại diện: Lương Văn T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đầu "Đầu xây dựng công trình đầu" Đầu xây dựng nhà ở khu dân cư T (giai đoạn 4) - đợt 4 tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình bà Đặng Thị H, bố trí giao thêm cho hộ gia đình bà H 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và không khấu trừ tiền lãi suất ngân hàng số tiền là 238.114.696 đồng đối với bà Đặng Thị H.

2/ Bác yêu cầu huỷ các Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đặng Thị H để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường Đ (đợt 5) tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và GPMB cho bà Đặng Thị H - Con đại diện: Lương Văn T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Khu dân cư K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3/ Đối với phần quyết định đình chỉ xét xử bà Đặng Thị H rút yêu cầu, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Hội về án phí, lệ phí Tòa án; UBND huyện N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

5/ Về chi phí tố tụng: UBND huyện N phải chịu 7.000.000 đồng chi phí tố tụng trong vụ án, bà H đã nộp tạm ứng, do vậy UBND huyện N phải hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cho bà Đặng Thị H.

6/ Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị H không phải chịu.

Quy định chung: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi